

Bản án số: 02/2018/HC-ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2018
V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn An
2. Ông Nguyễn Quang Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HC ngày 19/4/2018 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HC ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1932; địa chỉ: thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1991; địa chỉ: số z, đường R, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 02 năm 2017), có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: thị trấn S1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Vũ T1, Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn S2, Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 6 năm 2018), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng G; địa chỉ: số w, đường Đ, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L1, Tổng giám đốc Ngân hàng G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hải N1, Phó trưởng phòng xử lý nợ G chi nhánh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền số: 180/UQ-TGD ngày 26

tháng 7 năm 2016), có mặt.

- Ông Nguyễn S3, sinh năm 1969, có mặt

Bà Lê Thị E, sinh năm 1977, vắng mặt

Đều tại địa chỉ: thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Lê Thị E: Ông Nguyễn S3, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 9 năm 2018), có mặt.

- Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn A, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn J, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn N, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2016, đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 18/4/2018, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/10/2018 và những lời khai tiếp theo, người khởi kiện cụ Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện anh Phạm Tiến T thống nhất trình bày:

Ngày 22 tháng 4 năm 2008 Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 731/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00563 cho Ông Nguyễn S3 tại thôn N, xã P, huyện O, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyết định số 731/QĐ-UBND đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ B vì: Cụ Nguyễn Thị B và cụ Nguyễn Văn V1 có chung quyền sử dụng thửa đất số 219, tờ bản đồ số 34, nguồn gốc sử dụng đất là do ông cha để lại tại thôn N, xã P, huyện S, Vĩnh Phúc diện tích 838m². Tháng 01 năm 1999 cụ V1 chết, không để lại di chúc. Sau khi cụ V1 chết, toàn bộ diện tích đất do cụ B quản lý, sử dụng. Do già yếu nên cụ B ở với con trai út là Ông Nguyễn S3, vợ là Lê Thị E. Ngày 03/10/2016, chi cục Thi hành án dân sự huyện S có giấy báo cưỡng chế giao nhà, đất mà cụ B đang quản lý, sử dụng cho người khác thì cụ B mới biết năm 2008 Ông Nguyễn S3 đã tự ý nhờ cán bộ địa chính xã P lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Ông Nguyễn S3. Toàn bộ hồ sơ để Ông Nguyễn S3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là giả mạo, cụ B không hề biết việc sang tên này, cụ cũng không đồng ý việc chuyển tên chủ sử dụng đất từ tên Nguyễn Thị B sang tên Ông Nguyễn S3, cụ chưa bao giờ ký kết văn bản, giấy tờ nào liên quan đến việc chuyển quyền này. Nay cụ B đề nghị Tòa án giải quyết hủy bỏ Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 đứng tên Nguyễn S3.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ông Dương Văn S2 trình bày: Ủy ban nhân dân huyện S đồng ý đối với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 đứng tên Nguyễn S3 vì: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S3 (Nguyễn S3) là không đúng đối tượng sử dụng đất vì đây là đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn V1 và cụ bà Nguyễn Thị B (bố mẹ của ông S3), thôn N, xã P, không phải đất sử dụng hợp pháp của ông S3, sau khi cụ V1 chết không để lại di chúc và bất kỳ văn bản, giấy tờ gì về việc phân chia, thừa kế đối với tài sản nêu trên, do vậy đây là di sản chung của các đồng thừa kế hợp pháp của cụ V1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S3 (Nguyễn S3) là không đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định của nhà nước vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được lập hồ sơ cấp giấy theo quy định của pháp luật về thừa kế mà làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S3 là không đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của Bà Lê Thị E, Ông Nguyễn S3 trình bày: Ông nhất trí với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 đứng tên của ông vì vào nguồn gốc diện tích cấp cho ông là của cụ B và cụ V1 có từ trước. Năm 2004 khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông là người kê khai để được cấp giấy chứng nhận. Khi ông làm thủ tục kê khai cụ B không biết, không có việc họp gia đình nào giữa cụ B và các anh em trong gia đình ông. Đến ngày 31/12/2004 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn S3. Đến năm 2008 do có sự sai tên đệm nên ông đề nghị Ủy ban nhân dân huyện O cấp lại giấy chứng nhận đứng tên Nguyễn S3. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông trong gia đình ông đều không ai biết. Năm 2014 ông có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (nay là Ngân hàng G) tại Vĩnh Phúc và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đứng tên ông. Sau khi vay vợ chồng ông không trả được nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng ông tại Tòa án nhân dân huyện S. Tòa án đã buộc ông phải trả nợ. Sau khi bản án có hiệu lực, Chi cục thi hành án dân sự huyện S đã kê biên cưỡng chế nhà đất của gia đình ông. Khi cơ quan thi hành án đến cưỡng chế nhà đất thì cụ B mới biết ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng (G) Ông Trần Hải N1 trình bày: Ngày 19/8/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần Q, chi nhánh Vĩnh Phúc (nay đổi tên là Ngân hàng G, chi nhánh Vĩnh Phúc) đã ký hợp đồng tín dụng với Ông Nguyễn S3, Bà Lê Thị E và đã

giải ngân cho ông S3, bà E vay vốn. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất 838m² tại thửa số 219, tờ bản đồ 34 tại xã P, huyện O (nay là huyện S), tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: “H”00563/QSĐĐ/số 731/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22/4/2008 cho Ông Nguyễn S3. Quá trình vay vốn ông S3, bà E đã vi phạm cam kết trả nợ nên Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện ông S3, bà E ra Tòa án nhân dân huyện S để yêu cầu ông S3, bà E thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho G. Tòa án đã buộc ông S3, bà E phải trả nợ cho G. Ngày 01/02/2014 Ngân hàng đã nộp đơn yêu cầu Thi hành án ra Chi cục Thi hành dân sự huyện S để thực hiện bản án trên. Cơ quan thi hành án đã ra Quyết định thi hành án và kê biên tài sản đảm bảo để phát mại thu hồi nợ. Nay Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 đứng tên của Ông Nguyễn S3, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn J, Ông Nguyễn Chí H đều là con của cụ B và cụ V1 thống nhất trình bày: Các ông đều nhất trí với yêu cầu của cụ B là: Yêu cầu hủy Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 đứng tên Ông Nguyễn S3 vì nguồn gốc diện tích đất là của ông cha để lại cho cụ B và cụ V1; thời điểm ông S3 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục thế chấp tài sản cho Ngân hàng các ông đều không được biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B, hủy Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 mang tên Ông Nguyễn S3

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện biết là sai nhưng không hủy quyết định. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 23/12/2008 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính huyện O thành huyện S và huyện O. Theo đó thửa đất thuộc địa bàn xã P, huyện S được Quyết định 731/QĐ-UBND huyện O cấp chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 867899 ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O nay thuộc địa bàn huyện S đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện được xác định là Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 03/10/2016 cụ B biết được Ông Nguyễn S3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ cho rằng Giấy chứng nhận này là trái pháp luật gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của cụ;

Ngày 19/10/2016, cụ B có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, yêu cầu hủy quyết định số: 731/QĐ-UBND về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện O, yêu cầu của cụ B trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là còn thời hiệu, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Trước tiên phải khẳng định: Quyết định số: 731/QĐ-UBND về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện O là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước ban hành quyết định áp dụng về một vấn đề cụ thể trong quản lý đất đai được áp dụng một lần đối với một đối tượng cụ thể. Như vậy, đối chiếu với Luật tố tụng hành chính thì: Quyết định cấp giấy và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thẩm quyền giải quyết là Tòa hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với Quyết định số: 731/QĐ-UBND về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện O:

[2] Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật đất đai 2003, thẩm quyền giao đất cho các đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trong đó có ông Nguyễn Văn S3 vào năm 2004 và Quyết định cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2008 cho Ông Nguyễn S3 là đúng thẩm quyền.

[3] Về trình tự, thủ tục ban hành, nội dung của Quyết định số 731/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy:

Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 xuất phát từ Quyết định số 1840/QĐ – UB ngày 31/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn S3. Do vậy cần phải xem tính hợp pháp hay không đối với Quyết định số 1840/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện O:

Năm 2004 thực hiện chủ trương của Nhà nước về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân, ủy ban nhân dân xã P đã chỉ đạo tổ chức hướng dẫn nhân dân kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, đã lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện O phê duyệt cấp giấy cho 284 trường hợp và đã được Ủy ban nhân dân huyện O phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 284 hộ gia đình trong đó có hộ ông Nguyễn Văn S3 tại Quyết định số 1840/QĐ-UB ngày 31/12/2004. Đến ngày 18/4/2008 sau khi phát hiện sai tên đệm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S3 đã làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận và đã được Ủy ban nhân dân huyện O phê duyệt cấp lại giấy chứng nhận tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008, ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 mang tên Ông Nguyễn S3. Quá trình thu thập chứng cứ thấy: Các bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của cụ B, ông S3, ông H, ông J và đại diện Ủy ban nhân dân huyện S đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất ông Nguyễn Văn S3 được cấp giấy chứng nhận là của cụ B và cụ V1 là bố mẹ của ông S3, ông U, ông J và ông H. Thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ V1 đã chết, ông S3 là người tự kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của cụ B và các anh em trong gia đình. Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân huyện O đã không làm rõ nguồn gốc đất, không có Biên bản họp gia đình trong hồ sơ cấp giấy, chỉ căn cứ vào việc kê khai của ông S3 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm về trình tự, thủ tục, ảnh hưởng nghiêm trọng

đến quyền lợi của những người thuộc hàng thừa kế. Bản thân ông S3 không có quyền đứng tên đối với toàn bộ diện tích đất do bố ông để lại nếu không được sự đồng ý của những đồng thừa kế khác. Ủy ban nhân dân huyện O trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp giấy của Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S3 mà không xác minh, làm rõ nguồn gốc diện tích đất của ông S3, ban hành Quyết định số 1840/QĐ-UB ngày 31/12/2004 là trái quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cụ B và các đồng thừa kế khác. Do đó Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O cấp cho Ông Nguyễn S3 cũng trái quy định của pháp luật. Riêng Ông Nguyễn Văn U cũng là con của cụ B, cụ V1 khi đó là chủ tịch UBND xã P, là chủ tịch Hội đồng xét, trình Ủy ban nhân dân huyện O quyết định cấp quyền sử dụng đất cho ông S3 (em ruột của ông) cũng cho rằng ông không biết, ông có ký vào văn bản xét, đề nghị cấp quyền sử dụng đất cho ông S3 việc này do chuyên môn trình lên ông ký gồm 284 hộ. Đây là câu trả lời thiếu trách nhiệm, buộc ông phải biết việc ông ký đề nghị cho ông S3 được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất là việc làm sai trái lẽ ra cần yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của ông, nay ông U đã nghỉ việc, Tòa không đặt vấn đề xem xét.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu của cụ B để hủy các văn bản trên là phù hợp.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B, hủy toàn bộ Quyết định số: 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AB 867899, số vào sổ: “H”00563/QSDD/số 731/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện O. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc cấp

chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật, khi có yêu cầu.

+ Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cụ Nguyễn Thị B (Ông Nguyễn S3 nộp thay) 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số: 0001087 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, Tòa HC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(đã ký)

Lê Duy Giá

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, Tòa HC.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Duy Giá